

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2018/HSST

Ngày 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công T2.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Hải;

2. Bà Lê Thị Bảy;

Thư K phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương – Thư K Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân: Ông Lê Anh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/HSST ngày 27/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/HSST-QĐ ngày 09/11/2018, đối với các bị cáo:

1. Hà Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/4/1993; Nơi cư trú: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Con ông: Hà Văn M và bà: Hà Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ 20/03/2018 đến ngày 23/03/2018. Từ ngày 23/03/2018 bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa cho đến ngày 07/05/2018. Từ ngày 07/05/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T1; Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 29/08/2000. Nơi cư trú: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Phạm Văn H và bà: Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự:

Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 06/08/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Hà Văn Th; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06/7/1997; Nơi cư trú: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Con ông: Hà Văn T và bà: Hà Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 06/08/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn K; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27/2/2002; Nơi cư trú: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Hà Văn Th và bà: Vi Thị N; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 06/08/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Lô Văn T2. Sinh ngày: 02/6/2000 (có mặt).

- **Người làm chứng:**

1. Anh: Hà Văn T (có mặt);

Trú tại: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh: Vi Đình M (có mặt);

Trú tại: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh: Phạm Văn Đ (vắng mặt).

Trú tại: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh: Hà Văn Đ1 (có mặt);

Trú tại: thôn Thanh Th, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chị: Lương Thị H (vắng mặt);

Trú tại: thôn Vân Phúc, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

6. Chị: Lương Thị Nh (vắng mặt).

Trú tại: Làng Xắng, xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 4 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Là người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn Th và Hà Văn K (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Hương - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh TGPL số 4 thuộc Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Là người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn T và Phạm Văn T1 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/3/2018, Hà Văn T (sinh ngày 03/4/1993, trú tại thôn Thanh Th - Thanh Xuân - Như Xuân) cùng với 07 người khác là Phạm Văn T1 (sinh ngày 29/8/2000), Hà Văn Th (sinh ngày: 06/7/1997), Hà Văn K (sinh ngày 27/02/2002), Vi Đình M (sinh ngày 25/3/2003), Phạm Văn Đ (sinh ngày 25/9/2002), Hà Văn Đ1 (sinh ngày 11/01/2002), Hà Văn T (sinh ngày 20/2/2003) đều trú tại thôn Thanh Th - Thanh Xuân - Như Xuân đi bằng phương tiện xe máy từ Thôn Thanh Th - Thanh Xuân đến nhà chị Lương Thị H (tên gọi khác là Phương, sinh ngày 03/01/1995, trú tại thôn Vân Phúc, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, H là bạn của Hà Văn T) chơi đám cưới chị H, khi đến nơi cả nhóm của T và 07 người bạn vào chơi tại đám cưới của chị H được khoảng 30 phút thì qua một đám cưới khác cũng ở Thôn Vân Phúc, xã Cát Vân, huyện Như Xuân chơi, đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì quay lại nhà chị H chơi tiếp. Lúc này có chị Lương Thị Nh (sinh ngày 13/10/2002, trú tại thôn Làng Xắng, xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân) cũng đến đám cưới chị H chơi. Một lúc sau chị Nh đi từ trong nhà chị H ra ngoài ngõ đứng, thấy vậy T cùng Th, K, Đ, T1, Đ1, M, T cũng đi ra theo. Khi ra đến ngõ chỗ chị Nh đang đứng thì Hà Văn Th làm quen và xin số điện thoại của chị Nh, thấy vậy, T cũng xin số điện thoại của chị Nh nhưng chị Nh không cho, sau đó T giật điện thoại của chị Nh để xem số rồi chạy ra phía trường mầm non thôn Vân Phúc, xã Cát Vân, huyện Như Xuân, phía đối diện nhà chị H, chị Nh đuổi theo sau đó ngồi xuống ở sân trường, T lại bế chị Nh lên, chị Nh vùng vằng thì T thả chị Nh xuống. Lúc này T và những người bạn của mình dọa chị Nh là: Bắt về làm vợ (bắt vợ theo phong tục người dân tộc Thái), nghe vậy chị Nh gọi anh Lô Văn T2 (sinh ngày 20/6/2000, trú tại thôn Vân Phúc - Cát Vân - Như Xuân) là người quen chị Nh ra để đưa mình vào nhà, anh T2 đi từ nhà chị H ra đưa chị Nh vào. Khi ra đến ngõ nhà chị H, chỗ T và mọi người đang đứng, T2 nói *“Tao thách chúng mày bắt đấy, chúng mày thích làm loạn ở đây à?”*. Thấy T2 ra thì T1 hỏi: *“Người yêu mi à?”*, T2 trả lời: *“ừ, tao đố chúng mày bắt đấy”*, hai bên

cãi nhau được một lúc thì T1 lao vào túm cổ anh T2, đấm và vật T2 ngã xuống đất, T, K và Th cũng lao vào dùng tay, chân đánh anh T2. Cùng lúc Hà Văn T rút dây thắt lưng, dạng dây da, có khóa bằng kim loại hình chữ “H”, vụt 02 cái vào đầu T2 khiến dây thắt lưng bị đứt phần khóa bằng kim loại rơi ra. Sau đó, chị H thấy có đánh nhau thì la lên kêu cứu, mọi người trong nhà chị H đang ngồi chơi đám cưới chạy ra để can ngăn sự việc đánh nhau.

Hậu quả: anh Lô Văn T2 bị thương tích nặng phải cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa; Phạm Văn T1 bị thương tích phần mềm phải đi khám tại trạm y tế xã Thanh Xuân.

Ngày 20/03/2018, Hà Văn T đã ra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đầu thú về hành vi phạm tội của mình vào đêm 19/03/2018.

Ngày 22/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân tiến hành trưng cầu giám định thương tích đối với anh Lô Văn T2.

Ngày 10/04/2018, sau quá trình điều trị tại bệnh viện, sức khỏe đã ổn định, anh T2 đã viết đơn đề nghị được đi giám định tổn hại sức khỏe và xử lý hình sự đối với những người đã đánh anh vào đêm 19/03/2018.

Tại bản giám định số 233 ngày 20/4/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Lô Văn T2 bị thương tích là: 23%, trong đó: thương do Hà Văn T dùng dây thắt lưng đánh dẫn đến chất thương sọ não kín là 21%, các tổng thương còn lại là 2%.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 04 ngày 24/08/2018 để trưng cầu cơ chế hình thành thương tích của anh Lô Văn T2.

Ngày 20/4/2018, Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đã có kết luận giám định thương tích số: 233/2018/TTPY, kết luận như sau:

- 02 vết rách da, sưng bầm tím ở đỉnh đầu phía sau bên trái vị trí song song kích thước mỗi vết sưng bầm tím là 3 x 3 cm; trong vết bầm tím có vết rách da kích thước 1 x 1 cm: do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật tày, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương da, cơ, mô mềm và chấn thương sọ não kín làm máu tụ dưới màng cứng L rộng vùng thái dương - chẩm đỉnh trái. Đã được điều trị, hiện tại không có di chứng thần kinh, còn sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu phía sau bên trái.

- 01 vết sưng bầm tím ở giữa sống mũi, ngang tầm hau mắt kích thước 3 x 2 cm: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng do chấn thương.

- 01 vết sưng bầm tím ở vị trí đầu mắt trái kéo dài từ lông mày dưới bên trái qua đầu và giữa mắt trái kéo dài đến đầu gò má kích thước 5 x 4 cm: Do tác động của ngoại lực, tạo bởi vật tày. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng do chấn thương.

- 01 vết sưng phù nề bên trên thái dương bên phải kích thước 6 x 7 cm: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng do chấn thương.

- 01 vết xước da, sưng phù nề tại vị trí ngực trái kích thước 3 x 4 cm: Do tác động của ngoại lực, tạo bởi vật tày. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng do chấn thương.

- Tại thời điểm giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác hình dạng, kích thước của vật gây thương tích.

- Tại thời điểm giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác chiều hướng tác động và lực tác động của vật gây thương tích.

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ xác định Hà Văn T, Hà Văn Th, Phạm Văn T1, Hà Văn K đã cùng đánh, đâm, đá vào người anh Lô Văn Văn T2, riêng Hà Văn T rút dây thắt lưng, dạng dây da, có khóa bằng kim loại hình chữ “H” - là hung khí nguy hiểm, vụt 02 cái vào đầu T2 khiến dây thắt lưng bị đứt phần khóa bằng kim loại rơi ra gây thương tích cho anh Lô Văn T2. Kết quả điều tra phù hợp với lời khai của các bị can, lời khai của các nhân chứng, lời khai của bị hại, vật chứng thu được tại hiện trường, kết luận giám định, kết luận giám định bổ sung và các chứng cứ khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường trách nhiệm dân sự, cụ thể như sau:

Gia đình Bà Hà Thị L (mẹ đẻ của Hà Văn T), chị Hà Thị Th (chị ruột của Hà Văn T) đã đại diện cho đại diện gia đình các bị cáo thỏa thuận, bồi thường tổn thất về thể chất và tinh thần của anh Lô Văn T2 số tiền là 47.000.000đ. Phía gia đình

bị hại anh Lô Văn T2 đã thống nhất và không có yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-KSĐT-TA ngày 17/10/2018 của Viện trưởng VKS ND huyện Như Xuân, Thanh Hóa truy tố các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn Th, Phạm Văn T1, Hà Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015; Tuyên bố các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn Th, Phạm Văn T1, Hà Văn K phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 48 đến 60 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 mức án từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Hà Văn Th mức án 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 36 tháng.

Xử phạt bị cáo Hà Văn K mức án 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 đến 36 tháng.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Những người bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm thống nhất như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết vụ án, tội danh, điều luật, tình tiết T nặng giảm nhẹ và trách nhiệm bồi thường dân sự. Tuy nhiên, những người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về nhân thân của các bị cáo: Là người dân tộc thiểu số; gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế; các bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại khắc phục hiệu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết quy định ở điểm b; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 65 BLHS 2015, riêng đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Hà Văn K áp dụng Điều 91 BLHS 2015 về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất có thể theo quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS, cho các bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, đề

ngị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Ngị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Quan điểm đối đáp của đại diện viện kiểm sát: Giữ nguyên như đã trình bày.

Lời nói sau cùng, Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội ra đầu thú, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào tối ngày 19/03/2018, Hà Văn T, Hà Văn Th, Hà Văn K, Phạm Văn T1, Hà Văn Đ1, Vi Đình M, Phạm Văn Đ, Hà Văn T cùng nhau đến chơi đám cưới của chị Lương Thị H; trong lúc đang chơi trong đám cưới thì có sự việc một số người trong nhóm của T xin số điện thoại của chị Nh và dọa chị Nh sẽ bắt chị Nh về làm vợ theo phong tục người Thái, nghe vậy nên chị Nh sợ bị bắt nên đã gọi bạn mình là anh Lô Văn T2 để đưa vào trong nhà chị H; khi anh T2 ra để đưa chị Nh vào thì xảy ra lời qua tiếng lại với nhau giữa Phạm Văn T1 và anh T2; Rồi dẫn đến xô xát nhau, T1 lao vào túm cổ anh T2, đẩy và vật T2 ngã xuống đất; thấy vậy, T, K và Th cũng lao vào dùng tay, chân đánh anh T2; K dùng tay đẩy vào lưng anh T2 một cái; Th dùng chân đạp vào người anh T2 hai cái; Hà Văn T rút dây thắt lưng, dặng dây da, có khóa bằng kim loại hình chữ “H” – là hung khí nguy hiểm, vụt 02 cái vào đầu T2 khiến dây thắt lưng bị đứt

phần khóa bằng kim loại rơi ra. Hành vi của các bị cáo khiến anh Lô Văn T2 bị thương tích là: 23%, trong đó: tổng thương do Hà Văn T dùng dây thắt lưng đánh dẫn đến chất thương sọ não kín là 21%, các tổng thương còn lại là 2%. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS như Cáo trạng của VKSND huyện Như Xuân đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả và nhân thân thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi đó đã trực tiếp xâm hại tới quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khỏe của con người được nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Do vậy, cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể. Trong khi đi chơi đám cưới, các bị cáo gặp nhau và xảy ra mâu thuẫn nhỏ dẫn đến xô xát với nhau. Trong đó, bị cáo Phạm Văn T1 là những người có vai trò khởi xướng, người thực hiện việc gây thương tích cho anh T2 trước. Bị cáo Hà Văn T là người tích cực thực hành và gây thương tích chủ yếu cho bị hại. Vì vậy, trong vụ án này các bị cáo T1 và T phải chịu trách nhiệm chính và hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác còn lại trong vụ án. Tuy nhiên, bị cáo T1 khi phạm tội chưa thành niên nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo T.

Các bị cáo còn lại trong vụ án này là Hà Văn Th và Hà Văn K giữ vai trò ngang nhau và là người thực hành, cùng tạo nên sức M về tinh thần cho cả nhóm gây thương tích cho anh T2. Tuy nhiên, hai bị cáo này gây thương tích không đáng kể cho người bị hại. Vì vậy, mức hình phạt cho hai bị cáo này thấp hơn hai bị cáo vai trò đầu. Bị cáo K khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo Th, Bị cáo K có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX áp dụng Điều 54 để xem xét cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết T nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải trƣớc lỗi lầm đã phạm, sau khi phạm tội, bị cáo Hà Văn T đã đến Cơ quan Công an đầu thú. gia đình bị cáo T cùng các bị cáo khác đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người bị hại,

tại phiên tòa người bị hại xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Nên khi lượng hình cần được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, khoản 1; 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo T; điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51 BLHS cho các bị cáo còn lại. Ngoài ra, đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Hà Văn K khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91 BLHS 2015 về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

[5] Xét về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Hà Văn T cùng với các bị cáo T1, K, Th đã thỏa thuận, bồi thường tổn thất về thể chất và tinh thần của anh Lô Văn T2 số tiền là 47.000.000đ. Phía gia đình bị hại anh Lô Văn T2 đã thống nhất và không có yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bị hại là anh T2 cũng không yêu cầu bồi thường thêm, do đó HĐXX không xem xét .

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 khóa, mặt dây thắt lưng bằng kim loại hình chữ “H”. 01 vòng đai dây thắt lưng dạng da màu nâu đường kính 3cm. 01 đoạn dây thắt lưng dạng da KT: 3cm x 4cm. Hội đồng xét xử xét thấy những vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần T1 thu tiêu hủy. Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang được quy trữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật về án phí để miễn án phí hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo và người bị hại và người bào chữa có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 BLHS năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 36 (ba sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 BLHS năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn Th 24 (hai tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 38 BLHS năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 24 (hai tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 91; Điều 38 BLHS năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Hà Văn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn K 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hà Văn T; Hà Văn Th, Phạm Văn T1 và Hà Văn K cho UBND xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận và thống nhất mức bồi thường cho anh Lô Văn T2 số tiền 47.000.000 đồng. Anh T2 không có yêu cầu bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS năm 2015. T1 thu tiêu hủy: 01 khóa, mặt dây thắt lưng bằng kim loại hình chữ “H”; 01 vòng đai dây thắt lưng dạng da màu nâu đường kính 3cm; 01 đoạn dây thắt lưng dạng da KT: 3cm x 4cm. Các vật chứng này hiện đang lưu trữ cùng hồ sơ vụ án, khi bản án có hiệu lực Tòa án sẽ bàn giao cho Cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho tất cả các bị cáo.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bị hại và người bào chữa cho bị cáo Hà Văn Th và Hà Văn K. Vắng mặt người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn T và Phạm Văn T1. Các bị cáo, người bị hại và người bào chữa cho bị cáo Hà Văn K có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng Đ1 bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Như Xuân;
- Các bị cáo; Người bị hại.
- Những người bào chữa cho các bị cáo;
- Cơ quan THADS huyện Như Xuân;
- Trại giam CA tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Như Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn